

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bồn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang), tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện và thực hiện một số biện pháp để triển khai nhanh các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bôn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 640/TTr-SXD ngày 25/7/2025 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bôn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang), tỷ lệ 1/2.000.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bôn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang), tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bôn xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang) được xác định như sau:

+ Phía Bắc, Phía Nam, Phía Tây giáp đất rừng đặc dụng.

+ Phía Đông giáp đất rừng phòng hộ và đường tỉnh 975C.

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 36,75ha (Gồm khoảng 25ha đất hạ tầng kỹ thuật đô thị và khoảng 11,75ha đất cây xanh cách ly và đất giao thông theo Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040 đã được phê duyệt).

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm

nhìn đến năm 2050 được phê duyệt Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để thực hiện danh mục các dự án phục vụ hội nghị APEC 2027 tại Quyết định 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Góp phần bảo vệ môi trường, cảnh quan, phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn cho thành phố Phú Quốc (Nay là đặc khu Phú Quốc).

- Làm cơ sở pháp lý lập quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải, hệ thống hạ tầng và các công trình phụ trợ khác và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất

Là khu liên hợp xử lý chất thải rắn với công nghệ hiện đại như đốt rác phát điện, chế biến rác thành phân vi sinh... (sẽ cụ thể hóa trong quá trình kêu gọi đầu tư) nhằm đảm bảo thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

4.1. Quy mô phục vụ

- Tổng công suất toàn khu xử lý dự kiến khoảng 350-450 tấn/ngày theo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục XIII).

- Dự kiến bố trí dự án Khu xử lý rác Bãi Bồn (công suất khoảng 250 tấn/ngày) và dự án Nhà máy điện rác Bãi Bồn (công suất khoảng 4MW (từ 200-300 tấn/ngày)).

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

- Các chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Stt	Loại hình	Tỷ lệ diện tích đất (%) trong từng cơ sở xử lý chất thải rắn
1	Khu vực Nhà máy điện rác	100
1.1	Nhóm các công trình chức năng chính (theo yêu cầu đặc thù của công nghệ đốt thu hồi năng lượng phát điện)	≤ 50
1.2	Khu chôn lấp tro, xỉ	≤ 10
1.3	Khu nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác	≤ 15
1.4	Đất giao thông	≥ 10
1.5	Đất cây xanh, mặt nước	≥ 15

2	Khu vực Khu xử lý rác	100
2.1	Nhóm các công trình chức năng chính (theo yêu cầu đặc thù của công nghệ)	≤ 60
2.2	Khu nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác	≤ 15
2.3	Đất giao thông	≥ 10
2.4	Đất Cây xanh, mặt nước	≥ 15

- Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật bên trong từng khu vực Nhà máy điện rác Bãi Bồn và khu xử lý rác Bãi Bồn sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải đảm bảo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng (QCVN 07-9:2023/BXD), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD), Tiêu chuẩn Quốc gia về Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt - Yêu cầu thiết kế (TCVN 13753:2023), các quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác có liên quan.

5. Phân khu chức năng

Trong tổng diện tích khu vực lập quy hoạch phân khu khoảng 36,75 ha, được phân chia thành các khu vực chức năng như sau:

Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị (khu vực giao nhà đầu tư thực hiện các dự án)	25,64	69,77
1	Khu vực Nhà máy điện rác Bãi Bồn	10,02	27,27
	Đất xây dựng Nhà máy điện rác	8,26	
	Đất giao thông	1,76	
2	Khu vực Khu xử lý rác Bãi Bồn	15,62	42,50
	Đất xây dựng Khu xử lý rác	13,06	
	Đất giao thông	2,56	
II	Đất cây xanh cách ly theo quy hoạch chung được duyệt	11,11	30,23
1	Đất cây xanh cách ly	10,81	
2	Đất giao thông đấu nối với đường tỉnh 975C	0,3	
Tổng cộng		36,75	100,00

6. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 36,75 ha, được cơ cấu sử

dụng đất như sau:

Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn	21,32	58,02
1.1	Đất xây dựng Nhà máy điện rác*	8,26	22,48
1.2	Đất xây dựng Khu xử lý rác *	13,06	35,54
2	Đất cây xanh cách ly của phân khu	10,81	29,41
3	Đất giao thông	4,62	12,57
3.1	Đất giao thông của phân khu	4,32	11,75
3.2	Đất giao thông đấu nối với đường tỉnh 975C	0,3	0,82
Tổng cộng		36,75	100,00

Ghi chú: (*) Tỷ lệ sử dụng đất bên trong từng khu vực Nhà máy điện rác Bãi Bồn và khu xử lý rác Bãi Bồn sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải đảm bảo theo quy định tại Bảng 1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng (QCVN 07-9:2023/BXD), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD), Tiêu chuẩn Quốc gia về Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt - Yêu cầu thiết kế (TCVN 13753:2023), các quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác có liên quan.

7. Các chỉ tiêu sử dụng đất

Stt	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
1	Đất xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn		21,32		
1.1	Đất xây dựng Nhà máy điện rác	A	8,26	60-70	Theo đặc thù của công nghệ*
1.2	Đất xây dựng Khu xử lý rác	B	13,06	60-70	Theo đặc thù của công nghệ*
2	Đất cây xanh cách ly	C	10,81	5	

	của phân khu				
3	Đất giao thông		4,62		
Tổng cộng			36,75		

Ghi chú: (*) Số tầng cao và chiều cao xây dựng công trình sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư. Chủ đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm gửi hồ sơ về Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam để được chấp thuận độ cao tầng không xây dựng công trình nếu chiều cao xây dựng công trình vượt quá 45m theo quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2025/NĐ-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ.

8. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

Khu vực lập quy hoạch được chia thành 02 khu vực: Khu vực Nhà máy điện rác và Khu vực Khu xử lý rác.

- Tổ chức hệ thống giao thông đối ngoại kết nối khu vực Nhà máy điện rác và khu xử lý rác với tuyến đường tỉnh 975C phải đảm bảo an toàn giao thông và phân luồng di chuyển hợp lý.

- Trong bước lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư khu vực Nhà máy điện rác và khu vực Khu xử lý rác phải bố trí:

+ Dải cây xanh cách ly tại khu vực đất xây dựng nhà máy điện rác và khu vực xử lý rác với chiều rộng đảm bảo tối thiểu 20m theo quy định.

+ Bố trí đầy đủ các khu chức năng đảm bảo theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng (QCVN 07-9:2023/BXD), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD), Tiêu chuẩn Quốc gia về Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt - Yêu cầu thiết kế (TCVN 13753:2023).

- Đối với khu vực Nhà máy điện rác cần lưu ý:

+ Bố trí tổng mặt bằng, hình dạng hình học phải thỏa mãn các yêu cầu về dây chuyền công nghệ, bố cục kiến trúc công trình và có dự phòng quỹ đất để mở rộng.

+ Khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng khu vực Nhà máy điện rác phải đảm bảo bố trí đầy đủ các hạng mục công trình theo yêu cầu của công nghệ đốt thu hồi năng lượng phát điện. Các hạng mục công trình có thể bố trí hợp khối nhằm tiết kiệm diện tích nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho vận hành, yêu cầu bảo trì sửa chữa và phòng cháy, chữa cháy. Tất cả các hạng mục công trình đều phải có bản vẽ chi tiết để phục vụ thi công và công tác quản lý kiểm tra chất lượng công trình.

+ Khi thiết kế phải chú ý đến yếu tố cảnh quan, môi trường để cơ sở xử lý chất thải rắn sử dụng công nghệ đốt hướng tới phục vụ tham quan, giáo dục kinh

tế môi trường, hướng dẫn học hỏi, tuyên truyền, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường.

+ Thiết kế phải đề xuất tổ chức xây dựng hợp lý nhất nhằm đáp ứng tối ưu về kỹ thuật và kinh tế; đồng thời phải chú ý đến các yếu tố quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các trang thiết bị lắp đặt trong cơ sở xử lý chất thải rắn đốt.

- Giải pháp thiết kế được cụ thể hoá trong sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và các bản vẽ định hướng, quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch phân khu.

9. Giải pháp tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật

9.1. Giao thông

- Đường tỉnh 975C: Thực hiện theo quy hoạch ngành giao thông và quy hoạch chung được duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các đường giao thông bên trong khu vực quy hoạch:

+ Đường đầu nối với đường tỉnh 975C: Đường số 1 (ký hiệu mặt cắt 1-1) lộ giới rộng 18m; mặt đường rộng 14m; vỉa hè mỗi bên rộng 2m.

+ Đường phía trước khu vực Nhà máy điện rác và Khu xử lý rác: Đường số 2 (ký hiệu mặt cắt 1'-1') có lộ giới rộng 22m; mặt đường rộng 14m; vỉa hè một bên rộng 6m, một bên rộng 2m.

+ Đường số 3 (ký hiệu mặt cắt 1-1): Lộ giới rộng 18m; mặt đường rộng 14m; vỉa hè mỗi bên rộng 2m.

+ Đường số 4, số 5, số 6 (ký hiệu mặt cắt 2-2): Lộ giới rộng 11,5m; mặt đường rộng 7,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 2m.

- Giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

9.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Cao độ san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ nền khống chế theo Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của Đường tỉnh 975C đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng.

b) Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới và riêng biệt với nước thải sinh hoạt, nước mưa thu về các tuyến cống chính chạy dọc theo đường giao thông rồi thoát về khu vực tự thủy hiện hữu của Đường tỉnh 975C hướng, phía Đông của khu vực quy hoạch.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

9.3. Cấp nước

- Nguồn nước:

+ Trong giai đoạn trước mắt sử dụng từ nguồn nước ngầm tại khu vực. Trong giai đoạn dài hạn sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Rạch Cá được đầu tư xây dựng mới (*Công suất 12.000m³/ngày đêm*) theo định hướng của quy hoạch chung được duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết phải bố trí khu vực trữ nước đảm bảo nhu cầu sản xuất và phục vụ phòng cháy chữa cháy. Nước cấp cho các xe cứu hoả được lấy từ các trụ chữa cháy được bố trí dọc các tuyến đường giao thông đảm bảo khoảng cách theo quy định.

+ Nghiên cứu bố trí các hồ trữ nước mặt tại khu vực cây xanh cách ly của phân khu để dự trữ nước mặt trong mùa mưa, phục vụ cho tưới cây rửa đường và phòng cháy chữa cháy.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 883,4 m³/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại, thu gom bằng các tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước thải của từng dự án.

- Nước thải phải được thu gom và xử lý theo quy định. Tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng 353 m³.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, được tái sử dụng cho mục đích sản xuất, tưới cây, rửa đường.

b) Vệ sinh môi trường:

- Rác thải được thu gom, phân loại và xử lý chung tại Nhà máy Nhà máy điện rác và Khu xử lý rác.

- Tro, xỉ còn lại trong quá trình sản xuất của nhà máy điện rác được chôn lấp khu chôn lấp tro xỉ được bố trí trong Khu xử lý rác.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.5. Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được đấu nối với đường dây trung thế của khu vực trên tuyến đường tỉnh 975C. Trong giai đoạn nhà máy điện rác đi vào hoạt động thì nguồn điện được sử dụng tại Nhà máy điện rác công suất 04MW. Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết khu vực nhà máy điện

rác phải bố trí khu vực trạm biến áp và đường dây đầu nối theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực và đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 6.658 kVA.

- Mạng lưới cấp điện và chiếu sáng được bố trí ngầm. Sử dụng đèn Led tiết kiệm điện năng thân thiết với môi trường.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

10. Giải pháp bảo vệ môi trường: Được thể hiện trong bản vẽ đánh giá môi trường chiến lược và thuyết minh đồ án đảm bảo theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

11. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

11.1 Những hạng mục ưu tiên đầu tư

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,...) đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Đầu tư xây dựng Khu xử lý rác Bãi Bồn công suất 250 tấn/ngày, Nhà máy điện rác Bãi Bồn công suất 4MW (từ 200-300 tấn/ngày) theo Phụ lục danh mục các dự án phục vụ hội nghị APEC 2027 tại Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

11.2. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ Đồ án Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bồn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang), tỷ lệ 1/2.000 bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Giao Sở Xây dựng phối hợp với Trung tâm Quy hoạch xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND đặc khu Phú Quốc và các sở, ngành có liên quan: Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Đồ án Quy hoạch phân khu Khu xử lý chất thải rắn Bãi Bồn, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang), tỷ lệ 1/2.000 theo quy định của pháp luật hiện hành; Lập, phê duyệt hồ sơ mốc giới, triển khai cắm mốc theo quy hoạch được duyệt ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc chịu trách nhiệm phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND đặc khu Phú Quốc lập thủ tục lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành để tổ chức lập quy hoạch chi

tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (09b);
- LĐVP, P.KT, TT TH-CB;
- Lưu: VT, dtphuong “HT”.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức